TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 888/2018/QĐST – HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 06 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1353/2018/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Bùi Thanh H**, sinh năm 1981

Địa chỉ: 73/4, KP.7, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng C**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 73/4, KP.7, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 54, 57 81, 82, 83 v 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Bùi Thanh H**, sinh năm 1981

Địa chỉ: 73/4, KP.7, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng C**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 73/4, KP.7, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Hồng C thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Bùi Quốc T, sinh ngày 29/01/2008 và Bùi Ý N, sinh ngày 16/8/2012. Khi ly hôn, ông H và bà C thỏa thuận giao cháu T và cháu N cho bà C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, ông H cấp dưỡng nuôi hai cháu 3.000.000đ/tháng từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T và cháu N trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H không thi hánh án số tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán được quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí HNGĐ-ST: Ông H tự nguyện nộp 150.000đ án phí HNGĐ – ST và 150.000đ án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 007474 ngày 25/5/2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự TP.B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- THADS TP. B;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Lan Hương